

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN ĐA KHOA
TRUNG ƯƠNG CẦN THƠ
Số: /TM-BVTWCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do – Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày tháng 01 năm 2025

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Quý Công ty, Doanh nghiệp.

Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho mua sắm vật tư, công cụ, dụng cụ bằng hình thức đấu thầu rộng rãi, nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ
- Thông tin liên hệ người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Phòng Hành chánh quản trị của Bệnh viện. Số điện thoại: 02923.821.288
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Hành chánh quản trị, Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ. Địa chỉ: Số 315, Đường Nguyễn Văn Linh, P. An Khánh, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ.
 - Nhận qua Email: vanthubvdktwct123@gmail.com
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: từ ngày 17 tháng 01 năm 2025 đến trước 17:00 ngày 04 tháng 02 năm 2025. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn hiệu lực của báo giá: tối thiểu 90 ngày kể từ ngày báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

- Danh mục dịch vụ và mô tả tính năng, kỹ thuật chi tiết theo phụ lục 01 đính kèm
- Địa điểm cung cấp dịch vụ: Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ.
- Thời gian thực hiện: 18 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.
- Giá trên báo giá đã bao gồm các loại thuế và các chi phí khác.

5. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: thanh toán theo từng đợt căn cứ giá trị trên biên bản nghiệm thu.

6. Các thông tin khác: Đề nghị các đơn vị cung cấp báo giá theo biểu mẫu chi tiết tại Phụ lục 02 đính kèm Yêu cầu báo giá này.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận

- Như trên;
- Lưu: VT, HST.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Minh Vũ

**PH
Ụ
LỤ
C
DẠ
NH
M
ỤC
M
UẢ
SẢ
M
VẬT
TƯ
,
CÔNG
CỤ
,
DỤNG
CỤ
BẢNG
NG
HÌ
NH
TH
ỨC
ĐÁ
U
TH
ẦU
RỘ
NG
RÃ
I**
*(Đi
nh
kèm
thư
mời
báo
giá
số:
/T*

M-
BV
TW
CT
ngày
y
thá
ng
01
nă
m
202
5
của
giá
m
đốc
Bện
h
việ
n
Đa
kho
a
Tru
ng
ươn
g
Cầ
n
Thơ
)

ST T	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượn g	Mô tả
1	Băng keo điện	cuôn	142	Kích thước: rộng 19 mm, dài 1,82 m ; Màu sắc: giao theo yêu cầu của bệnh viện; Công dụng: dùng để dán, bít dây điện, nối dây điện.
2	Băng keo 2 mặt	Cuộn	20	Kích thước: rộng 10 mm, dày 0,7 mm , dài 3 m; Màu sắc: giao theo yêu cầu của bệnh viện. Có độ đàn hồi, kết dính 2 mặt

3	Bóng đèn 0,6m LED	Cái	180	Chất liệu: thủy tinh; Kích thước: Ø 26 mm, dài 600 mm; Công suất $\geq 10W$; Công nghệ led; Điện áp: 170-250V/50-60Hz; Màu ánh sáng: Trắng; Bảo hành ≥ 24 tháng
4	Bóng đèn 1,2m LED	Cái	636	Chất liệu: thủy tinh; Kích thước: Ø 26 mm, dài 1200 mm; Công suất $\geq 18W$; Công nghệ led; Điện áp: 170-250V/50-60Hz; Màu ánh sáng: Trắng; Bảo hành ≥ 24 tháng
5	Bóng Led Bulb 12W	Cái	8	Công suất: 12W Điện áp: 220V – 50Hz Quang thông (độ sáng): Khoảng 1000 – 1200 lumen Hiệu suất sáng: $\sim 90-100$ lm/W
6	Bóng Led Bulb 5W	Cái	94	Công suất: 5W Điện áp: 220V – 50Hz Quang thông (độ sáng): Khoảng 1000 – 1200 lumen Hiệu suất sáng: $\sim 90-100$ lm/W
7	Bộ cảm biến an toàn	Bộ	4	Cảm biến an toàn cửa tự động Nguồn cấp: AC/DC 12-36V - Dòng điện khi chờ: 12V 35mA - Dòng điện khi hoạt động: 72mA - Khoảng cách phát hiện: Max 10m Chất liệu: thủy tinh; Kích thước: Ø 26 mm, dài 1200 mm; Công suất $\geq 18W$; Công nghệ led; Điện áp: 170-250V/50-60Hz; Màu ánh sáng: Trắng; Bảo hành ≥ 24 tháng
9	Bộ đèn led đơn 1,2m Bulong M16 x 150 Bulong M16x150 (1 thân + 1 tán + 1 long đèn) (Bulong + tán + long đèn 16li dài 15cm)	Cái con	8 20	Bulong M16 x 150 Bulong M16x150 (1 thân + 1 tán + 1 long đèn) (Bulong + tán + long đèn 16li dài 15cm)
10	Bulong M16 x 80 (Bulong M16x80 (1 thân + 1 tán + 1 long đèn) (Bulong + tán + long đèn 16li dài 8cm)	con	80	Bulong M16 x 80 (Bulong M16x80 (1 thân + 1 tán + 1 long đèn) (Bulong + tán + long đèn 16li dài 8cm)
11	Cáp CXV 4x6.0mm	mét	170	Ruột dẫn bằng đồng cao cấp Lớp cách điện XLPE chịu nhiệt cao Vỏ bọc PVC chắc chắn Tiết diện và số lõi đa dạng

12	MCCB 3p-100A (Cầu dao khối 3 pha 100A)	Cái	2	Chất liệu: nhựa ABS; Dòng điện định mức $\geq 100A$ loại 3 cực, điện áp định mức 415VAC 06kA; Bảo hành ≥ 12 tháng
13	MCCB 3p-50A (Cầu dao khối 3 pha 50A)	Cái	2	Chất liệu: nhựa ABS; Dòng điện định mức $\geq 50A$ loại 3 cực, điện áp định mức 415VAC 06kA; Bảo hành ≥ 12 tháng
14	MCB 1P 10A	Cái	4	Chất liệu: nhựa ABS; Dòng điện định mức $\geq 10A$ loại 1 cực, điện áp định mức 240V/ 415VAC 06kA; Bảo hành ≥ 12 tháng
15	MCB 1P 16A (Cầu dao tép 1 pha 16A)	Cái	32	Chất liệu: nhựa ABS; Dòng điện định mức $\geq 16A$ loại 1 cực, điện áp định mức 240V/ 415VAC 06kA; Bảo hành ≥ 12 tháng
16	MCB 1P 20A (Cầu dao tép 1 pha 20A)	Cái	6	Chất liệu: nhựa ABS; Dòng điện định mức $\geq 20A$ loại 1 cực, điện áp định mức 240V/ 415VAC 06kA; Bảo hành ≥ 12 tháng
17	MCB 1P 6A (Cầu dao tép 1 pha 6A)	Cái	9	Chất liệu: nhựa ABS; Dòng điện định mức $\geq 6A$ loại 1 cực, điện áp định mức 240V/ 415VAC 06kA; Bảo hành ≥ 12 tháng
18	MCB 2P 16A (Cầu dao tép 2 pha 16A)	Cái	2	Chất liệu: nhựa ABS; Dòng điện định mức $\geq 16A$ loại 2 cực, điện áp định mức 240V/ 415VAC 06kA; Bảo hành ≥ 12 tháng
19	MCB 3P 16A (Cầu dao tép 3 pha 16A)	Cái	4	Chất liệu: nhựa ABS; Dòng điện định mức $\geq 16A$ loại 3 cực, điện áp định mức 415VAC 06kA; Bảo hành ≥ 12 tháng
20	CB 125A (Cầu dao điện)	Cái	4	Chất liệu: nhựa ABS; thiết bị Dòng định mức $\geq 125A$ loại 3 cực; điện áp định mức 240V/ 415VAC 06kA; Bảo hành ≥ 12 tháng
21	CB cóc 10A	Cái	8	Chất liệu: nhựa ABS; thiết bị ngắt mạch an toàn loại HB; Dòng điện định mức $\geq 10A$, điện áp định mức $\geq 220V$
22	CB cóc 15A (Bộ ngắt mạch an toàn HB 15A)	Cái	38	Chất liệu: nhựa ABS; thiết bị ngắt mạch an toàn loại HB; Dòng điện định mức $\geq 15A$, điện áp định mức $\geq 220V$

23	CB cóc 20A (Bộ ngắt mạch an toàn HB 20A)	Cái	18	Chất liệu: nhựa ABS; thiết bị ngắt mạch an toàn loại HB; Dòng điện định mức $\geq 20A$, điện áp định mức $\geq 220V$
24	CB tép MCB 3p-100A	Cái	2	Chất liệu: nhựa ABS; Dòng điện định mức $\geq 100A$ loại 3 cực, Dòng cắt $\geq 50kA$; Bảo hành ≥ 12 tháng
25	Contacter MC 32A	Cái	4	Chất liệu: vỏ làm từ nhựa ABS; Dòng điện định mức: $\geq 32A$, Điện áp chịu xung định mức: $\geq 6 kA$, Dòng điện định mức 1.000 V; Điện áp định mức: 50/60 Hz; Số cực: ≥ 03 cực; Bảo hành ≥ 12 tháng
26	Contacter MC 40A	Cái	2	Chất liệu: vỏ làm từ nhựa ABS, Dòng điện định mức: $\geq 40A$, Điện áp chịu xung định mức: $\geq 6 kA$, Dòng điện định mức 1.000 V; Điện áp định mức: 50/60 Hz; Số cực: ≥ 03 cực; Bảo hành ≥ 12 tháng
27	Contacter MC 65A	Cái	2	Chất liệu: vỏ làm từ nhựa ABS, Dòng điện định mức: $\geq 65A$, Điện áp chịu xung định mức: $\geq 6 kA$, Dòng điện định mức 1.000 V; Điện áp định mức: 50/60 Hz; Số cực: ≥ 03 cực; Bảo hành ≥ 12 tháng
28	Cose SC 150	Cái	30	Chất liệu đồng nguyên chất bề mặt mạ thiết, tiết diện cáp: 150mm ² , đường kính ngoài: 20mm , đường kính lỗ bulong (d): 10 mm,
29	Cose SC 35	Cái	30	Chất liệu: đầu cos bằng đồng bề mặt mạ thiết, tiết diện dây điện phù hợp 35 mm ² , đường kính lỗ bulong (d): 8 mm
30	Cose SC 95	Cái	54	Chất liệu: đầu cos bằng đồng bề mặt mạ thiết, tiết diện dây điện phù hợp 95 mm ² , đường kính lỗ bulong (d): 10 mm
31	Công tắc B 1 chiều (Công tắc điện đơn)	Cái	88	Chất liệu: vỏ làm từ nhựa ABS, Loại công tắc B, 1 chiều, cắm nhanh 250VAC - 16A; Màu sắc: trắng.
32	Công tắc đồng hồ - loại 24h	Cái	4	Chất liệu: nhựa ABS; Dòng điện định mức: $\geq 15A$; Điện áp: 220-240VAC/50-60Hz; Chế độ cài đặt: ≥ 6 chế độ; Thời gian cài đặt: Tối thiểu 30 phút; Có pin dự trữ ≥ 300 giờ; Bảo hành ≥ 12 tháng

33	Công tắc hành trình 5A-250V	Cái	20	– Tuổi thọ cơ: 10 000 000 lần – Tiếp điểm: 1 NO, 1 NC – Dòng tải cho phép: 5A – Tốc độ tác động: 5mm/s đến 0.5m/s – Tần số tác động: Cơ 120 lần/phút Min, Điện 30 lần/phút Min. – Cấp bảo vệ: IP65 Chất liệu: nhựa ABS; Dòng điện định mức: $\geq 15A$; Điện áp: 220-240VAC/50-60Hz; Chế độ cài đặt: ≥ 6 chế độ; Thời gian cài đặt: Tối thiểu 30 phút; Có pin dự trữ ≥ 300 giờ; Bảo hành ≥ 12 tháng
34	Công tắc hẹn giờ	Cái	2	Chất liệu: vỏ ngoài làm bằng nhựa ABS, chân cắm bằng đồng $\varnothing \geq 4$ mm; điện áp $\geq 10A-250V$
35	Chui ghim (phích cắm)	Cái	106	Chất liệu: vỏ ngoài làm bằng nhựa ABS, tiếp điểm bằng đồng; điện áp $\geq 10A-250V$
36	Chuôi ghim cái (phích cái)	Cái	6	Chất liệu: mặt chuông làm từ kim loại sơn tĩnh điện, đế chuông nhựa ABS, Kích thước: ≥ 4 inch; Điện áp $\geq 220V/50Hz$
37	Chuông điện 4 inch 220V	Cái	2	Chất liệu: mặt chuông làm từ kim loại sơn tĩnh điện, đế chuông nhựa ABS, Kích thước: ≥ 3 inch; Điện áp $\geq 220V/50Hz$
38	Chuông điện có dây	Cái	8	Chất liệu: nhựa ABS; Đồi được nhiều nhạc chuông (12 kiểu chuông); Nút nhấn chuông được thiết kế chống thấm nước, Sản phẩm kèm pin, Remote bấm sử dụng pin 12 V; Sử dụng được trong khoảng cách ≥ 180 m; Bảo hành ≥ 12 tháng
39	Chuông điện không dây	Cái	6	Chất liệu: ruột đồng, lớp cách điện bằng PVC; dây 1 lõi dẫn điện; tiết diện lõi: 1,5 mm ² ; điện áp định mức: 450/ 750V; Mỗi cuộn dây điện có độ dài 100 mét; Màu sắc: giao theo yêu cầu của bệnh viện
40	Dây cáp điện CV 1,5 mm ²	Mét	2320	Chất liệu: ruột đồng, lớp cách điện bằng PVC; dây 1 lõi dẫn điện; tiết diện lõi: 2,0 mm ² ; điện áp định mức: 450/ 750V; Mỗi cuộn dây điện có độ dài 100 mét; Màu sắc: giao theo yêu cầu của bệnh viện
41	Dây cáp điện CV 2,0 mm ²	Mét	80	

42	Dây cáp điện CV 2,5 mm ²	Mét	3670	Chất liệu: ruột đồng, lớp cách điện bằng PVC; dây 1 lõi dẫn điện; tiết diện lõi: 2,5 mm²; điện áp định mức: 450/ 750V; Mỗi cuộn dây điện có độ dài 100 mét; Màu sắc: giao theo yêu cầu của bệnh viện
43	Dây cáp điện CV 25 mm ²	Mét	12	Chất liệu: ruột đồng, lớp cách điện bằng PVC; dây 1 lõi dẫn điện; tiết diện lõi: 25 mm²; điện áp định mức: 450/ 750V; Mỗi cuộn dây điện có độ dài 100 mét; Màu sắc: giao theo yêu cầu của bệnh viện
44	Dây cáp điện CV 4,0 mm ²	Mét	40	Chất liệu: ruột đồng, lớp cách điện bằng PVC; dây 1 lõi dẫn điện; tiết diện lõi: 4,0 mm²; điện áp định mức: 450/ 750V; Mỗi cuộn dây điện có độ dài 100 mét; Màu sắc: giao theo yêu cầu của bệnh viện
45	Dây cáp điện CVV 2x1,5 mm ²	Mét	180	Chất liệu: ruột đồng, lớp cách điện bằng PVC; dây 2 lõi dẫn điện; tiết diện lõi: 1,5 mm²; điện áp định mức: 0,6/1kV; Màu sắc: giao theo yêu cầu của bệnh viện
46	Dây cáp điện CVV 2x2,5mm ²	Mét	240	Chất liệu: ruột đồng, lớp cách điện bằng PVC; dây 2 lõi dẫn điện; tiết diện lõi: 2,5 mm²; điện áp định mức: 0,6/1kV; Màu sắc: giao theo yêu cầu của bệnh viện
47	Dây cáp điện CVV 3x2,5 mm ²	Mét	80	Chất liệu: ruột đồng, lớp cách điện bằng PVC; dây 3 lõi dẫn điện; tiết diện lõi: 2,5 mm²; điện áp định mức: 0,6/1kVV; Màu sắc: giao theo yêu cầu của bệnh viện
48	Dây cáp điện CVV 4x10mm ²	Mét	40	Chất liệu: ruột đồng, lớp cách điện bằng PVC; dây 4 lõi dẫn điện; tiết diện lõi: 10 mm²; điện áp định mức: 0,6/1kV; Màu sắc: giao theo yêu cầu của bệnh viện
49	Dây cáp điện CVV 4x25mm ²	Mét	260	Chất liệu: ruột đồng, lớp cách điện bằng PVC; dây 4 lõi dẫn điện; tiết diện lõi: 25 mm²; điện áp định mức: 0,6/1kV; Màu sắc: giao theo yêu cầu của bệnh viện

50	Dây cáp điện CVV 4x4,0mm ²	Mét	140	Chất liệu: ruột đồng, lớp cách điện bằng PVC; dây 4 lõi dẫn điện; tiết diện lõi: 4,0 mm²; điện áp định mức: 0,6/1kV; Màu sắc: giao theo yêu cầu của bệnh viện
51	Dây cáp điện CXV 3x95 + 1x70 mm ²	Mét	30	Chất liệu: ruột đồng, lớp cách điện XLPE; dây 4 lõi dẫn điện ; tiết diện lõi 3 pha: 95 mm²; lõi trung tính: 70mm² ; Điện áp định mức: 0,6/1kV; Màu sắc: giao theo yêu cầu của bệnh viện
52	Dây cáp điện CXV 4x10 mm ²	Mét	20	Chất liệu: ruột đồng, lớp cách điện XLPE; dây 4 lõi dẫn điện ; tiết diện lõi 10mm² ; Điện áp định mức: 0,6/1kV; Màu sắc: giao theo yêu cầu của bệnh viện
53	Dây cáp điện CXV 4x150 mm ²	Mét	30	Chất liệu: ruột đồng, lớp cách điện XLPE; dây 4 lõi dẫn điện ; tiết diện lõi 150mm² ; Điện áp định mức: 0,6/1kV; Màu sắc: giao theo yêu cầu của bệnh viện
54	Dây cáp điện CXV 4x35 mm ²	Mét	20	Chất liệu: ruột đồng, lớp cách điện XLPE; dây 4 lõi dẫn điện ; tiết diện lõi 35mm² ; Điện áp định mức: 0,6/1kV; Màu sắc: giao theo yêu cầu của bệnh viện
55	Dây cáp điện VCcmd 2 x 1,5 mm ² (Dây điện VCcmd 2 x 1,5 mm ²)	Mét	640	Chất liệu: ruột đồng, lớp cách điện XLPE; dây 2 lõi dẫn điện ; tiết diện lõi 1,5mm² ; Điện áp định mức: 300/500V; Màu sắc: giao theo yêu cầu của bệnh viện
56	Dây điện ovan 2x1,5mm ² (Dây điện Vcmo 2x1,5 mm ²)	Mét	400	Chất liệu: ruột đồng, lớp cách điện PVC; dây 2 lõi dẫn điện ; tiết diện lõi 1,5mm² ; Điện áp định mức: 300/500v; dây dạng ovan(dẹp / ép phẳng); Màu sắc: giao theo yêu cầu của bệnh viện
57	Dây đồng trần C25mm ² (Dây PE 25)	Mét	52	Chất liệu đồng không có lớp cách điện; tiết diện lõi 25mm²;
58	Dây nối 50 cm (Dây cấp nước 5 tắc)	Sợi	62	Chất liệu vỏ ngoài: Inox 304 hoặc dây dù bọc nhựa PVC; Chiều dài: 50 cm (5 tắc); Đường kính trong: Thường là 8mm – 12mm (tùy loại); Đầu nối: 1 đầu ren trong (1/2 inch); Lõi trong: Ống nhựa PE hoặc cao su chịu nhiệt.

59	Dây PE 1.5 mm ² Dây điện CV 1.5 mm ² (sọc xanh PE)	Mét	100	Chất liệu: ruột đồng, lớp cách điện PE; dây 1 lõi dẫn điện dạng 1 sợi cứng ; tiết diện lõi 1,5mm² ; Điện áp định mức:450/750V; Màu sắc: sọc xanh
60	Dây rút 3 tắc	Bọc	2	Chất liệu: Nylon 66 (PA66), chịu nhiệt và không dễ cháy; Chiều dài: 300 mm (tức 3 tắc); Bề rộng: Thường từ 4,8 mm đến 7,6 mm (tùy loại chịu lực); Màu sắc: giao theo yêu cầu của bệnh viện
61	Dây rút 4 tắc	Bịch	10	Chất liệu: Nylon 66 (PA66), chịu nhiệt và không dễ cháy; Chiều dài: 400 mm (tức 4 tắc); Bề rộng: Thường từ 4,8 mm đến 7,6 mm (tùy loại chịu lực); Màu sắc: giao theo yêu cầu của bệnh viện
62	Đầu dò khối kèm đế (hh)	Cái	2	Chất liệu vỏ:Nhựa ABS chống cháy; Kích thước: Ø 102 mm , cao 47 mm ; Điện áp hoạt động: 220V AC; Bảo hành ≥ 12 tháng.
63	Đèn âm trần 300x300 có bát treo	Cái	94	Chất liệu: vỏ đèn bằng hợp kim nhôm; Kích thước: dài 300 mm , rộng 300 mm, cao 8,8 mm; Công suất: ≥ 18 W; Công nghệ led; Điện áp: 200 - 240 VAC - 50/60 Hz; Sản phẩm kèm theo bát treo; Màu ánh sáng: Trắng; Bảo hành ≥ 24 tháng
64	Đèn Led âm trần 600x600 có bát treo	Cái	48	Chất liệu: vỏ đèn bằng hợp kim nhôm; Kích thước: dài 600 mm, rộng 600 mm, cao 14 mm; Công suất: ≥ 48 W; Công nghệ led; Điện áp: 150 - 250 VAC - 50/60 Hz; Sản phẩm kèm theo bát treo; Màu ánh sáng: Trắng; Bảo hành ≥ 24 tháng
65	Đèn Led âm trần 60x120cm có bát treo	Cái	4	Chất liệu: vỏ đèn bằng hợp kim nhôm; Kích thước: dài 600 mm, rộng 1200 mm, cao 14 mm; Công suất: ≥ 75 W; Công nghệ led; Điện áp: 150 - 250 VAC - 50/60 Hz; Sản phẩm kèm theo bát treo; Màu ánh sáng: Trắng; Bảo hành ≥ 24 tháng

66	Đèn LED Panel tròn 160/12W	Cái	6	Chất liệu: vỏ đèn bằng hợp kim nhôm; Kích thước: Đường kính mặt đèn 160 mm , cao 25 mm ; Công suất: ≥ 12 W; Công nghệ led; Điện áp: 220V AC - 50/60 Hz; Sản phẩm kèm theo bát treo; Màu ánh sáng: Trắng; Bảo hành ≥ 24 tháng Chất liệu: vỏ đèn bằng hợp kim nhôm; Kích thước: Đường kính mặt đèn 300 mm, cao 40 mm; Công suất: ≥ 24 W; Công nghệ led; Điện áp: 220V AC - 50/60 Hz; Sản phẩm kèm theo bát treo; Màu ánh sáng: Trắng; Bảo hành ≥ 24 tháng
67	Đèn ốp trần 300/24W	Cái	42	Chất liệu: vỏ đèn làm từ Nhựa PMMA (Acrylic) hoặc nhựa PC (Polycarbonate); Kích thước chao đèn (quả cầu): đường kính mặt đèn 250 mm , cao 350 mm; Công suất: ≥ 12 W; Công nghệ led; Điện áp: 220V AC - 50/60 Hz; Sản phẩm kèm theo bát treo; Màu ánh sáng: Trắng; Bảo hành ≥ 24 tháng
68	Đèn trụ rào 250mm (gồm trụ và quả cầu)	Bộ	28	Chất liệu: thép cacbon bề mặt mạ kẽm; kích thước: dài 16mm; Gói nhỏ bọc 100g.
69	Đinh Thép 1,6 phân	Bọc	4	Chất liệu vỏ làm từ thép không gỉ hoặc hợp kim; kích thước: Mặt đồng hồ Ø63mm hoặc 100mm; Giới hạn đo: Tối đa 10 Kg/cm²(tương đương 10 bar hoặc ~145 psi)
70	Đồng hồ áp 10Kg	Cái	2	Công tơ điện Đồng hồ điện 3 pha 4 dây trực tiếp
71	Đồng hồ điện 3P 100A	Cái	2	Cấp Độ Chính Xác: 1.0 Điện áp định mức của công tơ: 380v Dòng điện định mức: 10A có thể sử dụng quá tải lên 100A.
72	Hộp nối CB 3 pha	Cái	4	Chất liệu: nhựa ABS; Hộp nối dùng cho CB 3 pha; Màu sắc: trắng; có nắp che mưa; Bảo hành ≥ 6 tháng
73	Hộp nối CB Cóc	Cái	34	Chất liệu: nhựa ABS; Hộp nối dùng cho CB cóc; Màu sắc: trắng; có nắp che mưa; Bảo hành ≥ 6 tháng

159	Bản lề cửa nhôm	Bộ	120	Chất liệu: hợp kim nhôm; Kích thước: dài 100 mm, rộng 75 mm, cao 3 mm.
160	Bánh xe cửa nhôm (kích thước: 58x55x22 cm)	Cái	56	Chất liệu: nhựa + sắt. Kích thước: dài 58 mm, cao 55 mm, rộng 22 mm. Sử dụng cho cửa đi. Bảo hành ≥ 6 tháng
161	Bát cửa	Cái	60	Chất liệu: sắt; Kích thước: dài 3 cm, rộng 3 cm, cao 2 cm, dày ≥ 1 mm
162	Chốt gài một tác	Cái	110	Chất liệu: inox SUS 201; Kích thước sản phẩm: dài 10 cm; Bảo hành ≥ 6 tháng.
163	Đá cắt 10cm	Cái	200	Kích thước: Đường kính ngoài 100 mm; Đường kính lỗ trong 16 mm; Độ dày Thường 1,2 mm; Đóng gói 50 cái/hộp.
164	Keo dán	Hộp	2	Chất liệu: Keo cao su tổng hợp; Màu sắc Vàng nhạt hoặc hơi nâu (dạng lỏng, sánh); Quy cách: 0,5lít/hộp.
165	Kính soi gương (45x60 cm)	Cái	12	Chất liệu: kính tráng bạc; Kích thước: rộng 45 cm, cao 60 cm, dày 4 mm; Kiểu dáng: vuông, bầu; có kèm bộ bát và ốc vít bằng inox.
166	Ổ khoá bóp	Cái	10	Chất liệu: Thân ổ khoá được làm bằng đồng nguyên khối, móc khoá làm bằng hợp kim; Kích thước: dài 57 mm, rộng 36 mm, dày 15 mm, Móc khoá $\varnothing 6$ mm; Bảo hành ≥ 6 tháng.
167	Ổ khóa tay gạt	Cái	34	Chất liệu: tay bằng hợp kim, thân bằng sắt; Kích thước: thân khóa: 7 cm (ngang), 17,5 cm (dọc); tay khóa (ốp) 5,2 cm (ngang), 25 cm (dọc); Màu sắc giao theo yêu cầu của bệnh viện: trắng bạc, đen; Bộ khóa gồm ≥ 3 chìa khóa; Bảo hành ≥ 12 tháng.
168	Tay gạt ổ khoá (trong bộ ổ khoá tay gạt)	Cái	20	Chất liệu: tay bằng hợp kim; Kích thước: 13,5 cm; Màu sắc giao theo yêu cầu của bệnh viện: trắng bạc, đen;
169	Ổ khoá tay nắm	Bộ	102	Chất liệu: inox; Kích thước: dài 190 mm, rộng 100 mm, cao 80 mm; Trọng lượng: 800 g; Màu sắc: trắng bạc; Bộ ổ khóa gồm 3 chìa, 1 cò dài ≥ 6 cm; ổ khóa có một đầu chìa, một đầu là nút bấm; Bảo hành ≥ 6 tháng.

170	Rive rút 4x12	Bọc	16	Chất liệu: hợp kim nhôm; Kích thước: rộng ≥ 4 mm, dài ≥ 10 mm; Bịch ≥ 1 kg (Bọc 500 con) Màu sắc: trắng bạc; dùng cho cửa mở trượt, mở lùa để khóa 2 cánh cửa với nhau, không cho 2 cánh cửa di chuyển trên đường ray; Bao gồm sò và móc khóa.
171	Sò gài cửa	Cái	22	Kích thước: 12 cm (kích thước tâm 2 lỗ bắt vít); Hình dáng: dẹt, hình chữ D, có hoa văn hoặc trơn. Chất liệu: hợp kim nhôm; Màu sắc: xám; Kiểu dáng tay co nổi, Điều chỉnh được lực đóng mở khi vận hành, điều chỉnh được tốc độ đóng mở nhanh hoặc chậm; Phù hợp cho mọi cửa gỗ, cửa thép, cửa nhôm; Lắp được cho cửa mở ở bên trái hoặc bên phải; Sử dụng cho cửa có kích thước rộng ≥ 750 mm, khối lượng cửa ≥ 80 kg; bảo hành ≥ 12 tháng
172	Tay cầm cửa tủ (tay nắm)	Cái	10	
173	Tay đẩy hơi	Cái	20	
174	Bát Lavabo I (bao gồm tắc kê sắt + vít tole)	Cái	2	Chất liệu bát Thép dày 2–3 mm; Kích thước: 350 mm; kiểu bát Bát chữ I (góc vuông 90°, 1 bên gắn tường). Chất liệu : Inox, nhựa; Bộ sản phẩm bao gồm 1 bầu xả inox và bộ dây ruột gà thoát nước và ngăn mùi; Bảo hành ≥ 6 tháng
175	Bộ xả bồn rửa chén	Bộ	8	
176	Bồn rửa inox - Chậu rửa có chân 1 Hộc CN1 (KT: 600 x 920 mm, chân cao 800 mm)	Cái	2	Chất liệu: inox 304; Kích thước 600x920x800mm; độ dày inox: 1,0mm; có 1 hộc rửa, Bảo hành ≥ 24 tháng
177	Co 42	Cái	10	Chất liệu: hợp chất nhựa PVC không hóa dẻo; Kích thước: phi 42 mm; góc nối 90°; PN ≥ 12 bar;
178	Co 60	Cái	20	Chất liệu: hợp chất nhựa PVC không hóa dẻo; Kích thước: phi 60 mm, góc nối 90°; PN ≥ 12 bar;
179	Co giảm 60/34	Cái	2	Chất liệu: hợp chất nhựa PVC không hóa dẻo; Kích thước: đầu lớn phi 60 mm, đầu nhỏ phi 34mm; góc nối 90°; PN ≥ 12 bar;

180	Co nối phi 20	Cái	40	Chất liệu: hợp chất nhựa PVC không hóa dẻo; Kích thước: phi 20 mm; góc nối 90 độ; PN $\geq$ 12 bar; đạt tiêu chuẩn TCVN 8491:2011 Phụ lục B
181	Co phi 21	Cái	100	Chất liệu: hợp chất nhựa PVC không hóa dẻo; Kích thước: phi 21 mm; góc nối 90 độ; PN $\geq$ 12 bar;
182	Co phi 34	Cái	100	Chất liệu: hợp chất nhựa PVC không hóa dẻo; Kích thước: phi 34 mm; góc nối 90 độ; PN $\geq$ 12 bar;
183	Đồng hồ nước phi 27	Cái	2	Vỏ đồng hồ: Thường làm bằng hợp kim, Bánh răng bộ phận đo lường: Thường bằng vật liệu chống ăn mòn; Đường kính mặt đồng hồ: Phi 27 (27mm); PN $\geq$ 12 bar;
184	Giảm 27/21	Cái	8	Chất liệu: hợp chất nhựa PVC không hóa dẻo; Kích thước: đầu lớn phi 27 mm, đầu nhỏ phi 21mm, PN $\geq$ 12 bar;
185	Keo dán ống	Hộp	14	Thành phần bao gồm: cyclohexanone, phụ gia; Sử dụng để dán các mối nối liên kết giữa các ống với nhau hoặc giữa ống và phụ kiện; Hộp $\geq$ 200g..
186	băng keo non	Cuộn	4	Chất liệu: PTFE có khả năng chịu nhiệt; Kích thước: dày 0,075 mm, rộng 12 mm , dài 10 m ; Màu sắc: trắng; Dùng để quấn các đầu ống nhằm chống rỉ nước hoặc chất lỏng trong hệ thống đường ống.
187	Lavabo bàn âm	Cái	10	Chất liệu: sứ; Kích thước: dài 520 mm , rộng 450 mm , cao 215 mm ; Màu sắc: trắng; Loại âm bàn; Bảo hành $\geq$ 24 tháng
188	Lavabo treo	Cái	8	Chất liệu: sứ; Kích thước dài 405 mm , rộng 405 mm , cao 185 mm ; Màu sắc: trắng; Loại treo tường, bao gồm phụ kiện treo; Bảo hành $\geq$ 24 tháng
189	Lõi 60	Cái	30	Chất liệu: hợp chất nhựa PVC không hóa dẻo; Kích thước: phi 60 mm, nối góc 45°, PN $\geq$ 12 bar.
190	Lõi phi 34	Cái	48	Chất liệu: hợp chất nhựa PVC không hóa dẻo; Kích thước: phi 34 mm, nối góc 45°, PN $\geq$ 12 bar.

191	Luppe gang (rọ bơm) phi 114	Cái	2	Chất liệu: gang dẻo hoặc gang xám mạ kẽm bề mặt; kích thước: đường kính ngoài 114mm; đường kính trong 100mm; PN $\geq$ 12 bar; . Chất liệu: hợp chất nhựa PVC không hóa dẻo; Kích thước: đường kính ngoài phi 34 mm; đường kính trong 25mm, PN $\geq$ 12 bar.
192	Măng xông phi 34	Cái	16	Chất liệu: nhựa ABS; Có thể điều chỉnh độ dài ngắn cho phù hợp với các loại bồn cầu bằng cách xoay ngược lại chiều của ốc chốt; Màu sắc: trắng; Bảo hành $\geq$ 12 tháng hoặc tương đương Inax
193	Nắp bồn cầu	Bộ	18	Chất liệu: Đồng; Kích thước: Đường kính ngoài (OD) 12mm; Đường kính trong (ID) 10mm; Độ dày thành ống Khoảng 1mm - 1.2mm; PN $\geq$ 20 bar;
194	Nối ống đồng phi 12	Cái	56	Chất liệu: Đồng; Kích thước: Đường kính ngoài (OD) 28 mm; Đường kính trong (ID) 25mm; Độ dày thành ống Khoảng 1mm - 1.2mm; PN $\geq$ 20 bar;
195	Nối ống đồng phi 28	Cái	112	Chất liệu: hợp chất nhựa PVC không hóa dẻo; Kích thước: phi 20 mm, PN $\geq$ 15 bar.
196	Nối phi 20	Cái	30	Chất liệu: hợp chất nhựa PVC không hóa dẻo; Kích thước: Đường kính trong (ID): 27mm; PN $\geq$ 15 bar.
197	Nối ren trong 27/27	Cái	8	Chất liệu: hợp chất nhựa PVC không hóa dẻo; Kích thước: Đường kính trong (ID): 17mm; Đường kính ngoài (OD): 21mm; PN $\geq$ 15 bar.
198	Nối ren ngoài phi 21/21	Cái	8	Chất liệu: hợp chất nhựa PVC không hóa dẻo; Kích thước: đường kính ngoài phi 21 mm, dày $\geq$ 1,3 mm, dài $\geq$ 4 m, PN $\geq$ 15 bar.
199	Ống 21	Mét	120	chất liệu: Inox 304; Đường kính ngoài (OD): 90mm; Đường kính trong (ID): 80mm; Độ dày thành ống: 4mm; PN $\geq$ 15 bar.
200	Ống 90 inox	Mét	4	Chất liệu: hợp chất nhựa PVC không hóa dẻo; Kích thước: đường kính ngoài phi 90 mm, dày $\geq$ 2,6 mm, dài $\geq$ 4m, PN $\geq$ 9 bar.
201	Ống 90x2.6mm	Mét	4	

202	Ống nước PVC phi 34	Mét	32	Chất liệu: hợp chất nhựa PVC không hóa dẻo; Kích thước: đường kính ngoài phi 34 mm, dày $\geq 2,2$ mm, dài ≥ 4 m, PN ≥ 15 bar.
203	Ống nước phi 42	Mét	4	Chất liệu: hợp chất nhựa PVC không hóa dẻo; Kích thước: đường kính ngoài phi 42 mm, dày $\geq 2,2$ mm, dài ≥ 4 m, PN ≥ 12 bar.
204	Ống Pvc phi 21	cây	46	Chất liệu: hợp chất nhựa PVC không hóa dẻo; Kích thước: đường kính ngoài phi 21 mm, dày $\geq 1,3$ mm, dài ≥ 4 m, PN ≥ 15 bar.
205	Ống Pvc phi 60	cây	8	Chất liệu: hợp chất nhựa PVC không hóa dẻo; Kích thước: đường kính ngoài phi 60 mm, dày $\geq 1,8$ mm, dài ≥ 4 m, PN ≥ 15 bar.
206	Ống uPVC phi 21 dày	Mét	24	Chất liệu: hợp chất nhựa PVC không hóa dẻo; Kích thước: đường kính ngoài phi 21 mm, dày $\geq 2,5$ mm, PN ≥ 15 bar; quy cách: 1 ống dài 4m.
207	Ống uPVC phi 60 dày	Mét	64	Chất liệu: hợp chất nhựa PVC không hóa dẻo; Kích thước: đường kính ngoài phi 60 mm, dày $\geq 2,5$ mm, PN ≥ 15 bar; quy cách: 1 ống ≥ 4 m.
208	Nối ren ngoài 21	Cái	4	Chất liệu: hợp chất nhựa PVC không hóa dẻo; Kích thước: Đường kính trong (ID): 17mm; Đường kính ngoài (OD): 21mm; Loại ren: Ren ngoài; PN ≥ 15 bar.
209	Van 1 chiều bướm DN80 phi 90 (Van 1 chiều gang 90)	Cái	2	chất liệu: Vật liệu thân van làm từ Gang ; Đĩa van (lá van): hợp kim; Trục và lò xo: Inox 304; Gioăng làm kín: nhựa EPDM; kích thước: đường kính ngoài 90mm, đường kính trong 80mm; loại van: van 1 chiều; PN ≥ 15 bar. Bảo hành ≥ 24 tháng
210	Van bi 90 tay trắng	Cái	2	chất liệu: hợp chất nhựa PVC không hóa dẻo; kích thước: đường kính ngoài 90mm; đường kính trong ≥ 83 mm; độ dày $\geq 3,6$ mm; Tay gạt nhựa màu trắng; PN ≥ 10 bar; đạt tiêu chuẩn TCVN 6151.

211	Van bướm tay gạt phi 90	Cái	2	chất liệu: Vật liệu thân van làm từ Gang ; Đĩa van (lá van): hợp kim; Trục và lò xo: Inox 304; Gioăng làm kín: nhựa EPDM; kích thước: đường kính ngoài 90mm, đường kính trong 80mm; loại van: van 1 chiều; có tay gạt điều khiển đóng mở đĩa van; PN ≥ 15 bar. bảo hành ≥ 24 tháng. Chất liệu: nhựa ABS; Kích thước: Ba đầu chờ với ren phi 21 mm phù hợp cho mọi loại dây cấp nước cũng như dây sen; Sản phẩm có 2 đầu ra, sử dụng cho việc chia nước cho bồn cầu và tay xịt vệ sinh.
212	Van nhựa không chế	Cái	30	Chất liệu: hợp chất nhựa PVC không hóa dẻo; Kích thước: phi 21 mm, PN ≥ 12 bar; Van dùng để đóng mở, tăng áp lực, giảm áp lực dòng nước giúp ngăn chặn dòng nước chảy qua van hay tăng giảm áp suất của dòng nước trong hệ thống ống dẫn nước.
213	Van nhựa phi 21	Cái	16	Chất liệu: hợp chất nhựa PVC không hóa dẻo; Kích thước: phi 34 mm, PN ≥ 12 bar; Van dùng để đóng mở, tăng áp lực, giảm áp lực dòng nước giúp ngăn chặn dòng nước chảy qua van hay tăng giảm áp suất của dòng nước trong hệ thống ống dẫn nước.
214	Van nhựa phi 34	Cái	16	Chất liệu: inox 304; Đường kính ren đầu vào Ø21mm; Chiều dài thân van 120 mm; Đường kính nút nhấn 45 mm; Chiều dài đầu nổi ra 50 mm; Lưu lượng xả 0,5L – 1,5L/lần; Áp lực nước hoạt động 7.0 -7.5 bar; kiểu gắn: kiểu nổi tường hoặc kiểu âm tường, bảo hành ≥ 24 tháng.
215	Van xả nhấn bồn tiểu	Cái	10	Chất liệu: inox 304; Đường kính đầu kết nối Ren 21mm; Chiều cao cổ vòi Khoảng 20 – 30 cm; Áp lực nước: 0,5 – 7,5 bar; kiểu lắp đặt: âm tường; bảo hành ≥ 24 tháng.
216	Vòi Lavabo cổ cao âm tường	Cái	10	Chất liệu: inox 304; Đường kính đầu kết nối Ren 21mm; Chiều cao tổng thể 12 – 15 cm; Áp lực nước: 0,5 – 7,5 bar; kiểu lắp đặt: gắn trên lavabo; bảo hành ≥ 24 tháng.
217	Vòi Lavabo lạnh	Cái	42	

218	Vòi sen nóng lạnh	Bộ	4	Chất liệu: inox 304; Kích thước: dài $\geq$ 180 mm, rộng $\geq$ 160 mm, cao $\geq$ 103 mm; Áp lực nước: 0,05 MPa ~ 0,75 Mpa; Sử dụng 2 chế độ nước: nóng, lạnh; Bảo hành $\geq$ 6 tháng
219	Vòi xịt nhựa	Cái	116	Chất liệu: nhựa ABS; Kích thước: dây dài $\geq$ 1200 mm, đầu xịt xoay 360 độ, Trọng lượng: $\geq$ 0,3 kg.
220	Xả lavabo	Bộ	122	Chất liệu: nhựa ABS; Kích thước từ trụ xả lavabo đến vách tường tối đa 300 mm; Áp lực nước: 0,05 Mpa ~ 0,75 Mpa; Bảo hành $\geq$ 6 tháng
221	Ống nối chữ Y phi 60	Cái	4	Chất liệu: hợp chất nhựa PVC không hóa dẻo; Kích thước :Đường kính ngoài (ống D60) 60 mm; Đường kính trong (ống D60) $\geq$ 54 mm; Độ dày thành ống: $\geq$ 2,6mm; chiều dài tổng thể $\geq$ 160 mm; Góc chia nhánh 45 độ; đạt tiêu chuẩn TCVN 6151. bảo hành $\geq$ 6 tháng.
222	Bình ắc quy (dung lượng 70Ah)	Cái	2	Loại Ắc quy chì acid (Lead Acid); Kích thước 260 x 170 x 220 mm; Công suất 850A; Điện áp 12V; Dung lượng 70Ah; Dòng nạp tối đa 7 – 10A; bảo hành $\geq$ 12 tháng.
223	Bình phong (quy cách: khung nhôm, vải họa tiết, kích thước: 1,6m x 2m)	Cái	12	Chất liệu khung: Nhôm; Chất liệu vải: Vải họa tiết; Kích thước 1,6m x 2m; Kiểu dáng 3 tấm gấp; Công dụng Ngăn cách không gian; màu sắc theo yêu cầu của bệnh viện; bảo hành $\geq$ 12 tháng
224	Bục đứng inox 304 kích thước: 50 x 60 x 15 (cm)	Cái	4	Chất liệu: Inox 304; kích thước: 50cm x 60cm x 15cm; dày 2mm;
225	Bục đứng inox 304 kích thước: 50 x 60 x 7 (cm)	Cái	6	Chất liệu: Inox 304; kích thước: 50cm x 60cm x 7cm; dày 2mm;
226	Cọ sơn	cây	10	Chất liệu: Làm từ sợi tổng hợp như nylon, polyester; Chiều rộng đầu cọ: 2,5 cm; Chiều dài lông cọ: 3 cm; Chiều dài cán cọ: 15 cm; công dụng: sơn các đường viền, góc cạnh hoặc các chi tiết có độ chính xác cao.

227	Nồi inox liền khối 18cm (thể tích 2,5 lít)	Cái	4	Cấu tạo 3 lớp liền thân: Lớp trong cùng: Inox 304, Lớp giữa: Nhôm, Lớp ngoài cùng: Inox 430; Đường kính: 18 cm; Chiều cao: 10,5 cm; Dung tích: 2,8 lít; Đáy nồi: Đáy từ, sử dụng được trên mọi loại bếp (bếp từ, bếp gas, bếp hồng ngoại); Bảo hành: 12 tháng
228	Nồi inox liền khối 24cm	Cái	6	Cấu tạo 3 lớp liền thân: Lớp trong cùng: Inox 304, Lớp giữa: Nhôm, Lớp ngoài cùng: Inox 430; Đường kính: 24 cm; Chiều cao thành nồi: 14 cm; Dung tích: 6.0 lít; Đáy nồi: Đáy từ, sử dụng được trên mọi loại bếp (bếp từ, bếp gas, bếp hồng ngoại); Bảo hành: 12 tháng
229	Sạc bình ắc quy 12V 8Ah – 150Ah 24V 4Ah – 100Ah (bộ sạc tự ngắt)	Cái	2	Điện áp đầu vào: 220V AC; Điện áp đầu ra: 12V cho bình ắc quy có dung lượng từ 8Ah đến 150Ah, 24V cho bình ắc quy có dung lượng từ 4Ah đến 100Ah; Công suất: 5A đến 20A; Tính năng tự ngắt: Sau khi ắc quy đã được sạc đầy, bộ sạc tự ngắt để ngừng cung cấp điện, giúp bảo vệ ắc quy khỏi tình trạng quá tải hoặc hỏng hóc do sạc quá lâu;
230	Thanh nẹp bằng tên (thanh chữ U, thanh chữ H)	Thanh	44	Chất liệu: Thường được làm từ nhựa hoặc kim loại; Kích thước: chiều dài khoảng từ 15 cm đến 30 cm; Loại: thanh chữ U hoặc thanh chữ H
231	Bản lề lò xo tự động đóng	Cái	200	kích thước: (100 x 65)mm Chất liệu: sắt sơn tĩnh điện khóa góc 90 độ
232	Thẻ số xe (Quy cách, chất liệu: in giấy ép mica trong 2 mặt, kích thước: 5,5 cm x 6,5 cm)	Cái	6000	Chất liệu: Mica trong (Poly(methyl methacrylate)) ép với giấy; Kích thước: 5,5 cm x 6,5 cm; Quy cách: In giấy ép mica trong 2 mặt.

PHỤ LỤC II: MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo yêu cầu Báo giá số: /TM-BVTWCT ngày tháng 01 năm 2025
của Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ)

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ.

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ, chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp] báo giá danh mục dịch vụ theo yêu cầu của Bệnh viện như sau:

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả tiêu chí kỹ thuật, quy cách, ...	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
1	Hàng hoá A					
n	...					

Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật (nếu có)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm...[ghi ngày kết thúc nhận báo giá theo Yêu cầu báo giá].

3. Giá trên báo giá đã bao gồm các loại thuế và chi phí khác

4. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng.....năm.....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))